

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 18/3/2020  
“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Vĩnh Thành;
2. Ông Huỳnh Văn Hiếu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Đại Nam Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Ánh N, sinh năm 1990, nơi cư trú: tổ 8, khóm V, phường Cp, thành phố L, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Ông Võ Văn H, sinh năm 1980, nơi cư trú: tổ 8, khóm V, phường Cp, thành phố L, tỉnh An Giang. Hiện đang cư trú: số 256, đường JKV, khóm C, phường Pc, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bà N, ông H có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ánh N trình bày:*

Bà N và ông H tự tìm hiểu, yêu thương nhau và được gia đình tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường Pc, thành phố L, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì

phát sinh mâu thuẫn do ông H thường xuyên tụ tập bạn bè để uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Năm 2009 và năm 2019, bà N đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng để ông H có thời gian sửa đổi nên đã rút đơn. Tuy nhiên, ông H vẫn không thay đổi và vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 7/2020 đến nay. Tình cảm không còn, bà N yêu cầu ly hôn với ông H.

*Về con chung:* Thời gian chung sống giữa bà với ông H có 03 con chung tên Võ Huỳnh Anh O, sinh ngày 23/5/2009; Võ Huỳnh P, sinh ngày 14/02/2012 và Võ Huỳnh Như Y, sinh ngày 17/5/2015. Bà N yêu cầu được nuôi dạy 03 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn H trình bày:*

Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như bà N trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng có cãi nhau nhiều lần nhưng là những chuyện nhỏ nhặt, không đến mức phải ly hôn. Đồng thời, ông H còn tình cảm với bà N nên mong muốn được hàn gắn, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Về con chung: Ông H yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Ông H hiện chưa có việc làm nếu nuôi con thì sẽ nhờ gia đình phụ giúp chi phí để nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định ngoài những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp bổ sung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N, ông H có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Quá trình chung sống, ông H không lo làm ăn, tụ tập bạn bè uống rượu dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã. Bà N nhiều lần khởi kiện ly hôn nhưng rút đơn để hàn gắn tình cảm nhưng ông H vẫn không thay đổi. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 7/2020 đến nay. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của bà N, ông H đã đến mức trầm trọng, cuộc

sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: 03 con chung tên Võ Huỳnh Anh O, sinh ngày 23/5/2009; Võ Huỳnh P, sinh ngày 14/02/2012 và Võ Huỳnh Như Y, sinh ngày 17/5/2015, hiện đang sống cùng bà N. Xét, O, P có nguyện vọng sống cùng với mẹ, bà N có nghề mua bán hải sản, ông H không có nghề nghiệp ổn định. Để đảm bảo ổn định cuộc sống, cũng như tâm sinh lý cho con nên giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của con, công nhận sự tự nguyện của bà N trong việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về tố tụng:*

*Về thẩm quyền:* Bà Huỳnh Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn H. Đồng thời, bà Hóa cư trú trên địa bàn thành phố L. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

#### *[2] Về nội dung:*

*[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:* Bà Huỳnh Thị Ánh N và ông Võ Văn H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Pc, thành phố L theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 134 ngày 23/6/2008 là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà N yêu cầu ly hôn với ông H, nguyên nhân do ông H thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã không còn sống chung từ tháng 7/2020 đến nay. Ông H cho rằng vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau nhưng là những chuyện nhỏ nhặt, tình cảm vẫn còn nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Xét thấy, bà N, ông H đã không còn sống chung từ tháng 7/2020 đến nay, thời gian dài xa cách nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Mặt khác, theo trích lục Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 22/2011/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2011 và số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/02/2019 của Tòa

án nhân thành phố L, thể hiện bà N đã 02 lần nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông H nhưng rút lại đơn khởi kiện để ông H có thời gian thay đổi nhưng vợ chồng vẫn phát sinh mâu thuẫn và bà N tiếp tục nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Từ đó có cơ sở xác định, hôn nhân của bà N, ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] *Xét về con chung:* Bà N, ông H thống nhất có 03 con chung tên Võ Huỳnh Anh O, sinh ngày 23/5/2009; Võ Huỳnh P, sinh ngày 14/02/2012 và Võ Huỳnh Như Y, sinh ngày 17/5/2015. Bà N, ông H đều có yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung, 03 con chung đều do bà N nuôi dạy. Đồng thời, theo Biên bản ghi lời khai ngày 24/02/2021, em O và P đều có nguyện vọng được sống cùng bà N. Mặt khác, bà N có nghề buôn bán hải sản, còn ông H vẫn chưa có việc làm ổn định, nếu nuôi con phải nhờ gia đình hỗ trợ chi phí. Vì vậy, để đảm bảo môi trường sống ổn định và điều kiện tốt nhất, cũng như cho các con chung được gắn kết với nhau nên Hội đồng xét xử quyết định giao cả 03 con chung là O, P, Y cho bà N tiếp tục nuôi dạy cho đến tuổi trưởng thành.

[2.3] *Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Bà N, ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] *Xét về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ánh N.

[1] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ánh N được ly hôn với ông Lê Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 134 ngày 23/6/2008 của Ủy ban nhân dân phường Pc, thành phố L, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Bà Huỳnh Thị Ánh N được tiếp tục nuôi dạy 03 con chung tên Võ Huỳnh Anh O, sinh ngày 23/5/2009, Võ Huỳnh P, sinh ngày 14/02/2012 và Võ Huỳnh Như Y, sinh ngày 17/5/2015 cho đến tuổi trưởng thành. Ông Võ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Huỳnh Thị Ánh N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Võ Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Ánh N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004167 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L; bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Võ Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bà Huỳnh Thị Ánh N, ông Võ Văn H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. L (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.L (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Đức**